

Số: 1911097

|                                            | Kia Sorento - 2.5G Signature (6 chỗ) Nội thất nâu | Peugeot 3008 GT          |
|--------------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                       | <b>1.099.000.000đ</b>                             | <b>1.109.000.000đ</b>    |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>            |                                                   |                          |
| Kích thước tổng thể (mm)                   | 4810 x 1900 x 1700                                | 4510 x 1850 x 1662       |
| Chiều dài cơ sở (mm)                       | 2815                                              | 2730                     |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)          | 5780                                              | 5200                     |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                    | 176                                               | 165                      |
| Khối lượng không tải (kg)                  | 1790   1820                                       | 1480                     |
| Khối lượng toàn tải (kg)                   | 2330   2450                                       | 1930                     |
| Thể tích khoang hành lý (L)                | 357                                               | 520                      |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)             | 67                                                | 53                       |
| Số chỗ ngồi                                | 6                                                 | 5                        |
| Nguồn gốc                                  | SX-LR trong nước                                  | SX-LR trong nước         |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>               |                                                   |                          |
| Loại động cơ                               | Smartstream G2.5                                  | 1.6L Turbo High Pressure |
| Dung tích xi lanh (cc)                     | 2497                                              | 1599                     |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)               | 177 / 6000                                        | 165 @ 6000               |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)              | 232 / 4000                                        | 245 @ 1400-4000          |
| Hộp số                                     | 6AT                                               | 6AT                      |
| Hệ thống dẫn động                          | 2 cầu (AWD)                                       | Cầu trước (FWD)          |
| Hệ thống treo trước                        | McPherson                                         | Độc lập Mc Pherson       |
| Hệ thống treo sau                          | Liên kết đa điểm                                  | Bán độc lập              |
| Hệ thống phanh trước                       | Đĩa                                               | Đĩa                      |
| Hệ thống phanh sau                         | Đĩa                                               | Đĩa                      |
| Thông số lốp xe                            | 235/55 R19                                        | 235/50 R19               |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)       | 10.6                                              | 10,81                    |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 7.15                                              | 6,6                      |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)      | 8.45                                              | 8,13                     |
| Chế độ lái                                 | Comfort/Eco/Sport/Smart                           | Normal/Sport/Manual      |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                         |                                                   |                          |
| Cụm đèn trước                              | LED Projector                                     | LED Projector            |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần       | ●                                                 |                          |
| Đèn ban ngày LED                           | ●                                                 | ●                        |
| Đèn sương mù                               | LED                                               |                          |
| Cụm đèn sau                                | LED                                               | LED                      |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện       | ●                                                 | ●                        |
| Gạt mưa tự động                            | ●                                                 | ●                        |
| Cửa sổ trời                                | ●                                                 | ●                        |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>               |                                                   |                          |
| Vô lăng bọc da                             | ●                                                 | ●(Phong cách GT)         |
| Chất liệu ghế                              | Da (nâu)                                          | Da Claudia Habana        |
| Ghế người lái chỉnh điện                   | ●                                                 | ●                        |
| Ghế người lái có nhớ vị trí                | ●                                                 |                          |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện       | ●                                                 | ●                        |
| Hàng ghế trước có tính năng làm mát        | ●                                                 |                          |

|                                          |                                              |              |
|------------------------------------------|----------------------------------------------|--------------|
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi         | ● (+ sưởi hàng ghế 2, vô lăng)               | ●            |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                   | ●                                            | ●            |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin            | 12.3"                                        | Digital 12.3 |
| Màn hình HUD                             | ●                                            |              |
| Màn hình giải trí trung tâm              | AVN 10.25"                                   | AVN 10       |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto       | ●                                            | ●            |
| Hệ thống điều hòa tự động                | ●                                            | ●            |
| Số vùng khí hậu điều hòa                 | 2 vùng                                       | 2            |
| Cửa gió cho hàng ghế sau                 | ●                                            | ●            |
| Chìa khóa thông minh                     | ●                                            | ●            |
| Khởi động nút bấm                        | ●                                            | ●            |
| Khởi động từ xa                          | ●                                            |              |
| Hệ thống âm thanh                        | 12 loa Bose                                  | 10 loa       |
| Sạc không dây Qi                         | ●                                            | ●            |
| Phanh đỗ điện tử                         | ●                                            | ●            |
| Giữ phanh tự động Autohold               | ●                                            |              |
| Đèn trang trí nội thất                   | ●                                            | ●            |
| Rèm che nắng                             | ●                                            |              |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX               | -                                            | ●            |
| <b>AN TOÀN:</b>                          |                                              |              |
| Số túi khí                               | 6                                            | 6            |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS         | ●                                            | ●            |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD         | ●                                            | ●            |
| Hệ thống cân bằng điện tử                | ●                                            | ●            |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA  | ●                                            | ●            |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa          | ●                                            | ●            |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm             | ●                                            |              |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                    | Trước & Sau                                  | Trước & Sau  |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                | ● (+ hỗ trợ tránh va chạm, hiển thị điểm mù) | ●            |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường            | ●                                            | ●            |
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động           | ●                                            |              |
| Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng | ●                                            |              |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp            | ●                                            | ●            |
| Camera lùi                               | Camera 360                                   | ●            |